

Số: 3458 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 13718/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021, Công văn số 13844/UBND-KTNS ngày 11 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 547/TTr-LĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 310 hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động với tổng kinh phí là 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH (CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ, CÓ NỢP THUẾ)
BỊ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

(Kèm theo Quyết định số 3458 /QĐ-UBND ngày 21 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

BVT: đồng

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
I. Phường Tân Hiệp									
1	Trình Văn Nam	3603608266	47A8061155	037090002447	458 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
2	Cao Thị Thủy	3602300736	47A8058448	271298904	7/69 tổ 16 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
3	Lưu Văn Luyện	3603609100	47A8056319	163066396	03 tổ 16 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
4	Hoàng Thị Khánh An	8306073761	47A8066895	013349409	468/15 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
5	Hoàng Bùi Mạnh	3603598579	47A8060671	172863692	53b tổ 6 kp 2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
6	Nguyễn Thị Nga	3600315335	47A8020986	272184459	59a kp 2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
7	Nguyễn Thị Ngọc Hà	3603496866	47A8055508	272219591	426 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
8	Lê Xuân Thọ	8121280892	47A8045856	271517048	7/117 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
9	Lê Văn Vy	3603242290	47A8052688	272943429	24 tổ 16 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
10	Nguyễn Thế Thông	3602716607	47A8033448	270085909	26 tổ 5 kp 2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
11	Nguyễn Văn Công	3603087687	47A8039725	261289764	B14 b15 kp 5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
12	Đặng Vương Minh Hoàng	3601314373	47A8052765	271548410	5/1b tổ 8 kp 3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
13	Lưu Kim Định	3603242195	47A8045626	272111751	1a tổ 16 kp 4	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
14	Trần Văn Công	8318405669	47A8040857	272582564	80/2e tổ 12 kp 1a	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
15	Đinh Thanh Tuấn	8363027641	47A8052473	079073006234	132 kp 5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
16	Lê Quang Chất	8208909889	47A8022457	272378275	Chợ tân hiệp	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
17	Lê Thị Thu Thảo	8022515670	47A8063098	272782393	2a tổ kp2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
18	Nguyễn Văn Hương	3600519018	47A8038958	276033285	26f kp 5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
19	Nguyễn Tiến Cảnh	3600760505	47A8010687	271739272	71/67 tổ9 kp 1a	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
20	Lê Văn Huân	3603711168	47A8066588	272735003	E24a, tổ 7, kp5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
21	Lê Văn Hòa	3603673360	47A8064720	272970554	C29,tổ 7, kp5	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
22	Phạm Hữu Nghĩa	3700670679	47A8081519	270000950	69/2, tổ 16, kp1	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

2. Phường An Hòa

23	Phạm Hồng Vinh	3603274976	47A8045168	290674234	703A, tổ 15, khu phố 1, phường An Hòa	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
24	Dương Thúy Hồng	8395194130	47A8065105	272749557	247, khu phố 1, phường An Hòa	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
25	Nguyễn Phú Thọ	8195274149	47A8041989	270237147	771, khu phố 2, phường An Hòa	01/5/2021- 31/12/2021	3.000.000		
26	Nguyễn Thị Phương Hoa	3600943202	47A8028497	271478314	1110, khu phố 2, phường An Hòa	17/6/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
27	Nguyễn Đức Trọng	8108068463	47A8034482	271594992	728, tổ 15, khu phố 2, phường An Hòa	01/5/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
28	Trần Hoàng Lộc	8090270637	47A8029542	271606812	742, tổ 16, khu phố 1, phường An Hòa	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
29	Trần Thị Bông	3603150314	47A8040600	270737468	630, tổ 13, khu phố 2, phường An Hòa	09/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
30	Phan Nguyễn Chính Thắng	3603763014	47A8069705	49099000094	785, tổ 16, khu phố 2, phường An Hòa	11/7/2021 - 02/9/2021	3.000.000		

3. Phường Tân Vạn

31	Nguyễn Phước Tinh	3600403239	47A8001047	270670325	A3/324C, Kp3	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
32	Hoàng cảnh Quang	8293669459	47A8050763	271767706	A3/300, KP3	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
33	Đào Thị Kim Thanh	3603487999	47A8055333	077183000451	A2/229C, KP2	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
34	Tăng Kim Đoàn	3600632976	47A8003745	270000973	A2/103B, kp2	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
35	Trần Minh Thân	3600701404	47A8006388	270869599	A4/184, KP4	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
36	Tổng Thị Tính	3602466280	47A8029712	270869338	A3/120A, KP3	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
37	Nguyễn Thanh Tân	3600327700	47A8007927	270869385	A2/85C, kp2	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
38	Ôn Thị Thu Lan	3600858892	47A8018702	271104214	A4/350, KP4	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
39	Trần Thị Thu	3603316986	47A8068211	271751469	A1/157A, kp1	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
40	Bùi Thanh Hoa	8066094370	47A8053422	272279702	A1/175A, Kp4	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
41	Trần Văn Phú	8043973953	47A8022575	271797021	69, KP3	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
42	Nguyễn Thị Bích Nga	3600460759	47A8019777	270705642	284/4, Kp4	01/07/2021- 30/09/2021	3.000.000		
4. Phường Hóa An									
43	Phạm Kim Nhị	3600321547	47A8012038	270157064	2038, Tổ 15A, Kp. Bình Hóa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
44	Đoàn Đình Sơn (Thy Ngọc)	3601307305	47A8042359	271218997	Tổ 8, Kp. Đồng Nai	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
45	Nguyễn Thị Lý	3600336568	47A8028481	270070751	31E, Tổ 15A, Kp. Bình Hóa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
46	Phan Thị Kim Chi	3603501259	47A8056158	272760467	1/1 Khu Phố An Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
47	Nguyễn Thị Kim Lan	3602433581	4707002183	270934979	2/1 Khu phố An Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
48	Hoàng Thị Liễu (Tân Hương Kỳ)	1500488059	47A8054236	331834464	3648, Tổ 19, Kp. An Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
49	Phạm Thị Lệ Liễu (Lệ Tâm)	3603235871	47A8044084	272466525	15/5 Kp. Đồng Nai	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
50	Huỳnh Thúy Hương (Huỳnh Hươn	3603389663	47A8049953	271376095	48C, Nguyễn Ái Quốc, Kp. Bình Hòa	11/7/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
51	Huỳnh Thị Kim Vui	8511313423	47A8065952	272763813	53C, Kp. Bình Hòa	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
52	Lê Đắc Lanh (Hoàng Gia Linh)	8094609889	47A 8053848	173385132	Tổ 20, Khu phố Cầu Hang	9/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
53	Võ Thị Mỹ Lan	3603230312	47A8031440	271258371	Tổ 16B, Khu phố Bình Hóa	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
54	Nguyễn Thị Thùy Linh	3601112433	47A8069983	271437313	Căn 24, Chung cư 1C, Khu phố Cầu Hang	11/7/2021 - 5/9/2021	3.000.000		
55	Đoàn Ngọc Hà	3702135998	47A8053112	281330741	12430 Khu phố An Hòa	5/6/2021 - 2/9/2021	3.000.000		
56	Vũ Minh Dương (Minh Dương)	0304873221	47A8030106	271439900	Tổ 19, Khu Phố An Hòa	10/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
57	Nguyễn Thanh Phong	3602828156	47A8033632	334108563	15/4A Bùi Hữu Nghĩa, Tổ 7 KP Đồng Nai	01/5/2021 - 01/9/2021	3.000.000		
58	Đoàn Thị Tiên	8095873195	47A8059073	331541921	1139/14/3b Bùi Hữu Nghĩa, Kp. Đồng Nai	10/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
5. Phường Bình Đa									
59	Vũ Ngọc Tuấn	8064371156	47A8054972	271400759	11A, TQT, kp3	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
60	Nguyễn Thị Mỹ Chi	8337196675	47A8060899	352115766	265/40, TQT, kp4	1/8/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
61	Ngô Thị Huyền	3603610949	47A8061632	272759981	82/29, tổ 15C2, kp2	15/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
62	Võ Tá Long	3600860757	47A8018123	272312166	C1, tổ 15B, kp2	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
63	Nguyễn Văn Tuấn	8097569497	47A8036942	272642725	D3, tổ 15B, kp2	31/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
64	Đoàn Thị Hào (bún cây me)	3600469705	47A8004466	271040245	23/6, tổ 32, kp4	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
65	Lê Thị Hạnh	3603437525	47A8060311	270122504	C7/A, tổ 14C1, kp2	16/7/2021 - 27/8/2021	3.000.000		
66	Đông Trần Vĩ Thế	3600553509	47A8052424	271400721	46/1, tổ 1, kp1	9/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
67	Trần Xuân Cao	3600300988	2305	271306728	10A, tổ 29C, kp3	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
68	Phạm Ngọc Lộc	3600475917	4707002761	271481274	C1A, tổ 40, kp4	1/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
6. Phương Thống Nhất									
69	Nguyễn Thành Đức	3603763342	47A8069726	272339560	44/3, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
70	Lê Thiên Đức	8044481182	47A8051240	271320629	152, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
71	Son Huỳnh Thương	8627890204	47A8069612	272122505	44/3, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
72	Nguyễn Ngọc Quý	3603558209	47A8058646	271921438	288C, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
73	Phạm Quốc Nam	8034758572	47A803600	271744963	F217, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
74	Nguyễn Thị Diệu Huyền	3602211719	47A8061661	271369234	1517, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
75	Lê Danh Cảnh	8605456804	47A8065731	036080007824	1519, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
76	Lâm Phát Ân	3602222453	47A8027327	024738096	228, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
77	Nguyễn Thị Thu Liên	3603192064	47A8042013	068175000335	337-338-339, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
78	Hoàng Thiên Lương	3602959254	47A8035888	271881682	K34, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
79	Nguyễn Cảnh Vinh	8566227371	47A8071202	030087006659	20/6A, kp1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
80	Huỳnh Trung Vinh	8117466333	47A8035823	272389935	1267, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
81	Trần Văn Thành	3600690047	47A8008333	271886845	250/22, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
82	Đoàn Thị Thanh Hiền	8091490515	47A8055199	271865583	F249, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
83	Phạm Hùng Sâm	3601636243	47A8047261	034073002553	210, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
84	Nguyễn Hoàng Sang	8039639949	47A8063380	271870713	24B/3, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
85	Trần Thị Kim Liên	3603573422	47A8059133	271040153	248F, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
86	Ngô Thị Lan	3600808098	47A80737029	270695218	49/1, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
87	Phạm Ngọc Trí	3603412633	47A8051064	271161929	66, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
88	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	8623853459	47A8071474	250963954	E 130, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
89	Lưu Bảo Ngân	8426780191	47A8056463	272087114	KP7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
90	Trần Thu Hường	8403285754	47A8056954	272037293	BN3-D10, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
91	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8374965671	47A8070628	272358009	1447, kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
92	Trần Thị Thu Hiền	3603318158	47A8047616	285724400	R 112, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
93	Trần Thị Thiên Trang	8245047433	47A8041940	270859878	60(63 số cũ), kp2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
94	Nguyễn Thị Đào	3603749235	47A8068872	272448128	52/3A, kp4	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
7. Phường Thanh Bình									
95	Trần Thị Mỹ Dung	3600366918	47A8025912	270047346	Số K5-K6, Phan Chu Trình, Kp1	10/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
96	Từ Công Thành	3601674150	47A8037565	270694273	44/1 Lữ Mạnh, Kp3	01/6/2021- 30/8/2021	3.000.000		
97	Nguyễn Văn Huy	3603455436	47A8053133	036077001779	76, Kp2, Phan Đình Phùng	10/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
98	Võ Minh Ngân	3600312775	47A8024334	079066019605	23 Lê Thánh Tôn, Kp1	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
99	Nguyễn Kim Nhung	8097562861	47A8051782	271760890	Sạp K1, Chợ Biên Hòa	11/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
100	Phan Thị Hòa	3600299059	47A8003351	270068810	78 Hưng Đạo Vương, Kp3	8/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
101	Phạm Thị Cúc	3603652233	47A8063381	271491261	Sạp D9,D10, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
102	Phạm Thị Hồng Xuân	3600277136	47A8000984	270068082	Số 14, Nguyễn Văn Trị, Kp1	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
103	Lê Văn Thanh	3600272314	47A8001876/HKD	270103163	124 Phan Đình Phùng, Kp2	10/7/2021- 27/8/2021	3.000.000		
104	Vương Tú Trinh	3602493397	47A8030528	271303463	2b Nguyễn Thị Giang, Kp1	09/7/2021- 24/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
105	Lưu Hoàng Anh Tuấn	3600300240	47A8020677	271202644	49 Lê Thánh Tôn, Kp1	10/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
106	Lương Thị Chín	3600498512	47A8008862	270061532	60b, Hưng Đạo Vương, Kp3	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
107	Nguyễn Thanh Hồng	8031836092	47A8069560	075187002421	Sạp K2-K3, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
108	Hoàng Thị Tố Tâm	3600498946	47A804865	270951550	88 Hưng Đạo Vương, Kp3	28/6/2021- 30/8/2021	3.000.000		
109	Tô Huỳnh Bảo Ngọc	8617253037	47A8064572	272488324	Sạp A80-A81, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
110	Nguyễn Thị Hiệp	3600287663	47A8052546	271552840	Số 2, Nguyễn Thị Hiền, Kp1	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
111	Nguyễn Thị Toàn	8397285432	47A8051923	241206707	39 Nguyễn Trãi, Kp1	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
112	Ngô Thị Mộng Thu	3600896344	47A8036922	270772840	82-84, Hưng Đạo Vương, Kp3	27/6/2021- 30/8/2021	3.000.000		
113	Nguyễn Ngọc Thu	3602038817	47A8071916	270048032	30 Lý Thường Kiệt, Kp1	09/7/2021- 01/9/2021	3.000.000		
114	Lý Thị Hữu Hạnh	3600506682	4707002641	270642072	4 Lê Thánh Tôn	09/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
115	Trần Thị Dung	3600296033	47A8000211	270067663/ 07516000575	Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
116	Nguyễn Thị Thi	3600518769	47A8025076	270096570	L13, Lầu Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
117	Huỳnh Thị Liên	3600290024	47A8001211	270067124	Chợ Biên Hòa	6/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
118	Nguyễn Thị Hương	3603521946	47A8057265	272855381	33 Lê Thánh Tôn	09/7/2021- 01/9/2021	3.000.000		
119	Trần Thị Thùy Trang	8203037017	47A8060552	271298449	Sạp K10, Chợ Biên Hòa	9/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
120	Lê Thị Lan Ka	3600869220	47A8018748	271788440	Sạp A50, Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
121	Trần Nại Quyền	3601283051	47A8025462	270860832	43 Nguyễn Hiền Vương, Kp1	09/7/2021- 3/9/2021	3.000.000		
122	Trần Phương Tâm	3600282111	4707003700	270972489	10 Võ Tánh, Kp1	15/7/2021- 3/9/2021	3.000.000		
123	Trần Thùy Mai	3600401954	4707003702	272037913	D6 Lý Thường Kiệt, Kp1	15/7/2021- 3/9/2021	3.000.000		
124	Đặng Minh Châu	3603526140	47A8057445	272338110	Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
125	Bùi Tấn Đạt	3603044796	47A8036865	270060545	Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 3/9/2021	3.000.000		
126	Phạm Văn Nghi	8210612596	47A8052200	300778989	Chợ Biên Hòa	10/7/2021- 03/9/2021	3.000.000		
127	Vương Ngọc Yến	3603270403	47A8026207	271574834	22 Nguyễn Thị Hiền, Kp1	2/7/2021- 4/9/2021	3.000.000		
128	Nguyễn Phi Long	3603763007	47A8069716	250516856	45 Võ Tánh, Kp1	2/7/2021- 4/9/2021	3.000.000		
129	Đỗ Văn Hoài	3603149421	47A8040628	272445377	38 (36 Cũ) Hưng Đạo Vương, Kp3	09/7/2021- 04/9/2021	3.000.000		
130	Vũ Thị Ánh Phương	3600481283	4707003677	270782744	56 Võ Tánh, Kp1	10/7/2021- 04/9/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
131	Nguyễn Thị Hương	3600481484	4707002759	272759047	A1-2, Chợ Biên Hòa	09/7/2021- 04/9/2021	3.000.000		
132	Nguyễn Thị Hạnh	8452366808	47A8054856	075188002004	Sạp I1-I2-I3, Chợ Biên Hòa	07/7/2021- 04/9/2021	3.000.000		
133	Võ Huệ Liên	3601896932	47A8025873	271344894	Sạp F1, Chợ Biên Hòa	10/9/2021- 04/9/2021	3.000.000		
134	Đào Văn Định	3600294050	3984/TMBH	270742555	37 Nguyễn Trãi, Kp1	09/7/2021- 26/8/2029	3.000.000		
135	Vương Ngọc Tuyết	3601773521	47A8024663	272330261	Kios A4.5 Nguyễn Văn Trị	10/7/2021 - 24/8/2021	3.000.000		
8. Phường Tân Tiến									
136	Bạch Thị Mong	8282644685	47A8037207	271751632	42, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
137	Mai Bá Liềm	3600875496	47A8020643	038067008882	44, NAQ KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
138	Bùi Văn Thu	3603724833	47A8062996	034089009412	477, Đồng Khởi, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
139	Lý Thị Kim Phụng	3600782467	47A8031286	271384297	30 KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
140	Lương Thanh Hiếu	3603697932	47A8065889	245357665	120/35, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
141	Nguyễn Quang Thái	36000458654	4707002012	270372886	120/64a, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
142	Đinh Thị Lý	3603681749	47A8065162	040172000489	226, NAQ, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
143	Lương Thị Lành	3602843725	47A8034075	272759002	61/4 KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
144	Đỗ Văn Bồng	3600580220	47A8065137	270695345	64, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
145	Trần Lê Yến Lan	8373736365	47A8066714	321468427	55A, PVT, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
146	Nguyễn Thị Minh	3600357712	4707001827	270045314	114 KP3	9/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
147	Hoàng Quốc Thái	3600300755	4707001713	270094316	46 KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
148	Mạc Viễn Đông	8048670712	47A8045670	075082001246	59/3,kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
149	Phan Ngọc Quý	3603315372	47A8047528	024372906	122,kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
150	Đậu T. Lê Tâm	3603333910	47A8048207	272539301	88,kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
151	Trần Đình Hải	5701739207	47A8061050	101095170	2B,NAQ, kp3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
152	Lê Văn Định	3603602338	47A8060976	036089003314	40, NAQ, KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
153	Bùi Anh Đức	3600346534	47A8002588	270001031	54 KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
154	Mạc Biên Hòa	3600739239	47A8009938	271414932	59/3 QL15 KP3 Tân Tiến	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
155	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	3600990844	47A8021976	271999762	1815 Nguyễn ái Quốc Kp3 P.Tân Tiến	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
156	Đỗ Thị Ngọc Thùy	8036393126	47A8071209	271293605	18, NAQ, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
157	Tin Lý Công	8351031146	47A8056165	271422327	120/74/26	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
158	Vũ Ngọc Tuyến	8061357393	47A8054288	151399656	2.kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
159	Vũ Ngọc Khuê	3602997764	47A8036542	270898218	122 Nguyễn ái Quốc kp6 Phường Tân Tiến	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
160	Nguyễn Thị Thu Hiền	8364071883	47A8066367.	271965761	92, NAQ, kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
161	Chu Hữu Dũng	3603123430	47A8044284	271183270	350/7, KP7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
162	Nguyễn Giao Hải	8132517462	47A8038992	020524097	328/6, KP7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
163	Trần Thị Châu	3602709014	47A8065077	270103207	205, Phan Trung kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
164	Nguyễn Thanh Lâm	3600843208	47A8017645	271512499	1241/48/3A Nguyễn ái Quốc Kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
165	Lộc Thế Cường	3603210732	47A8042951	271936001	8A,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
166	Lương Thúy Cúc	3600777883	47A8012394	271247158	H1A Cư xá xây lắp kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
167	Lê Thị kim Huyền	3603602031	47A8060808	312495543	2/KP 6 Tân tiến	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
168	Mai Thị Kim Thủy	3603505951	47A8056540	271320003	12/29A,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
169	Đường Khắc Tâm	3600346686	1418/TMBH	270742245	36A KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
170	Phạm T. Thanh Loan	8074864591	47A8056885	271459775	Ki ốt 10,BV 7b,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
171	Đỗ Huyền Anh Minh	3600702207	47A8008440	023841218	152 KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
172	Lưu Thị Hải	3603237004	47A8044117	271287062	120/25,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
173	Nguyễn Vương	8321772210	47A8063309	273474721	112,NAQ, KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
174	Lê Minh Châu	3601223045	47A8061081	271320047	A1-2, Đồng khởi,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
175	Vũ Thái Hoàng	8048276635	47A8064449	272079100	72, KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
176	Trần Thu Hồng	3600437365	47A8003748	270135303	207H _đường Phạm Văn Thuận	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
177	Phạm Văn Phong	8074876766	47A8063878	271674502	5C, Phan Trung, kp7	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
178	Lê Quang Trung	3603084598	47A8039613	272611520	170,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
179	Lê Như Trinh	3603699351	47A8061750	271919645	1295 NAQ KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
180	Ng: T. Khánh Chi	3602901039	47A8034973	271546213	84A,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
181	Trần Thị Phụng	3603265555	47A8044744	365289645	134,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
182	Đỗ Quốc Chiến	3600863356	47A8018223	271870257	48 KP6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
183	Lê Đức Minh	3603296539	47A8046472	272266582	208,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
184	La Ngọc Yến	3603437236	47A8052354	271919964	170C,kp6	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
9. Phường Phước Tân									
185	Nguyễn Thị Thanh Tinh	3602653259	47A8033078	272068600	Tổ 26, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
186	Phạm Thị Thanh Lâm	8075840554	47A8042482	272115429	Tổ 17, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
187	Nguyễn Thị Lên	3603230880	47A8043912	271909467	Tổ 26, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
188	Lê Quang Công	3603419678	47A8031877	270752032	6, Tổ 12, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
189	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	8134575678	47A8064407	271886287	36, Tổ 14, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
190	Nguyễn Thị Vân Giang	3603604832	A7,A803653	271429365	22A, Tổ 26, KP Tân Mai 2	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
191	Trần Công Tú	8288460010	47A8041346	271493619	Tổ 13B, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
192	Phạm Thị Thủy	3603740641	47A8068382	276059731	Tổ 18, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
193	Nguyễn Văn Cao	3603415715	47A8053608	037085003704	689, Tổ 12, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
194	Đỗ Văn Tiễn	3800599074	47A8060392	164339722	11, Tổ 12, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
195	Nguyễn Thị Chiên	3603076893	47A8039142	272535137	Tổ 17, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
196	Nguyễn Thị Kim Thoa	8075853987	47A8037294	271578520	Tổ 24, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
197	Lưu Ngọc Tú	3602845521	47A8038036	271493846	Tổ 12, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
198	Vương Văn Ngọ	8074807593	47148037760	111526460	Tổ 15, KP Hương Phước	09/7/2021- 30/8/2021	3.000.000		
10. Phường An Bình									
199	Vũ Văn Mười	3602358528	47A8028772	271844015	32/14 KP3	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
200	Nguyễn Văn Chính	3602419548	47A8029062	270617501	20/4c tổ 4 KP4	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
201	Châu Mộng Lam	8062842459	47A8028542	271358928	2/55 kp8	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
202	Nguyễn Thị Kiều Mỹ Trang	3603068645	47A8038700	271655310	2/47 tổ 5 kp8	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
203	Phạm Bá Thuận	8125469546	47A8066715	272179872	126 tổ 1A KP11	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
204	Trần Thị Thúy Hà	360092376	47A8021698	271881502	318 tổ 3 kp11	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
205	Phan Thị Ngọc Diệu	8114799687	47A8072647	271609858	NGUYỄN THÔNG KP12	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
206	Trần Hồng Thuận	3603779254	47A8022802	272576551	15 tổ 14 KP3	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
207	Phạm Thị Trang	8354421063	47A8067787	272039160	01 LÔ A4 KDC KP1	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
208	Trần Thị Diễm Châu	8317126380	47A8055813	264161388	21B Tổ 14 kp3	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
209	Lương Thị Quế	3603319747	47A8036228	272248444	57B KP3	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
210	Trương Nguyễn Thị Phương Uyên	3603578117	47A8054609	272889308	A10 TỔ 1 KP5	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
211	Lê Thị Ngọc Đoàn	3600780445	47A8012287	270672000	17A4 KDC KP1	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
212	Lê Văn Tuấn	3602815319	47A8034221	272357326	69/5A tổ 17 KP2	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
213	Nguyễn Khôi Nguyên	8112873790	47A8069816	271789016	94/4A Tổ 12 Kp1	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
214	Bùi Thị Thực Oanh	3600315617	47A8021034	270657959	87/4 Tổ 4b KP12	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
215	Lương Trọng Bảy	3600754036	47A8011480	271408458	141 Tổ 1 kp8	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		
216	Nguyễn Thị Kim Anh	8595577229	47A8067788	271593224	2A, tổ 9, Kp5	01/72021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
217	Nguyễn Thu Nga	3600920283	47A8028224	280936232	5B, tổ 2, kp 10	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
218	Lê Phú Hà	3600874284	478039645	271237697	67/5A, Kp2	01/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

11. Phường Long Bình Tân

219	Phạm Thị Nga	3603079171	47A8039293	272584186	G1/31 tổ 19, KP 1	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
220	Huỳnh Bưu Thanh	3603338549	47A8020431	270963940	177 tổ 7, KP Thái Hoà	08/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
221	Huỳnh Công Minh	8303385427	47A8068904	272226666	48 KP Thái Hoà	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
222	Phạm Thị Hồng Hào	0302681203	47A8037735	270032611	G8/4 KP 1	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
223	Nguyễn Văn Lợi	8129270617	47A8042321	272312249	45B tổ 6 KP 2	18/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
224	Ngô Hồng Phong	3602741000	47A8033709	272368827	20 tổ 16 KP2	01/08/2021- 31/08/2021	3.000.000		
225	Chung Thị Thuận	8246364795	47A8029603	272529160	A17 KP Long Diêm	19/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
226	Bùi Chu Chinh	3603466484	47A8053919	270171271	127 tổ 8 KP Long Diêm	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
227	Bùi Lê Vinh	8111435353	47A8043145	272095386	13/C5 KP 1	01/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
228	Nguyễn Xuân Hoà	3603576504	47A8058878	272682670	14/4 KP Long Diêm	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
229	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	8002335888	47A8040124	272309371	4/18 KP Long Điền	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
230	Huỳnh Thị Nhiên	3603656333	47A8062598	276050024	9/10A KP Long Điền	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
231	Lê Hoài Phong	4101431715	47A8026192	272470632	53/HV,kp1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
232	Phạm Thị Tuyết Thanh	8031844713	47A8063340	271328547	8/B1,KP1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
233	Phạm Trọng Hoàng	3600477061	47A8063468	271436031	8/B1,KP1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
234	Nguyễn Thị Hóa	3600966249	47A8051775	150609597	44/7 HV-KP1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
235	Lưu Đức Trọng	8097775771	47A8037343	271966868	kp Bình Dương, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
236	Nguyễn Thị Nhài	3603630328	47A8061941	030184008891	Q3, tổ 8, KP1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
237	Trần Minh Đạt	3602838933	47A8033798	271199687	K18, tổ 4, KP 1	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
238	Phan Minh Khôi	8069842708	47A8063946	272279388	43, tổ 18, KP 2, LBT	31/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
239	Hoàng Thị Anh	3601168394	47A8047239	27169298	F20, tổ 9-KP 2, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
240	Nguyễn Thị Thanh Thúy	3602292348	47A8025845	271609340	20/9, KP TH, LBT	29/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
241	Trần Ngọc Thu	3603231482	47A8030683	270747676	250, KP TH, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		



STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
242	Nguyễn Thị Hải	3600849552	47A8028033	272417463	13/C5, KP 1, LBT	08/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
243	Nguyễn Thị Hồng	3603400638	0028919	276100359	22/5, tổ 5, KP TH, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
244	Nguyễn Ngọc Tân	3601977652	47A8041304	272119144	285, KP TH, LBT	07/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
245	Trần Mộng Cẩm	3603385027	47A8049775	272534220	229, KP TH, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
246	Lương Đình Việt	3603747742	47A8068785	272497427	C10, tổ 9, KP 2, LBT	05/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
247	Hồ Thị Hồng	3603765269	47A8069842	038191014492	A20 tổ 1 KP 2	14/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
248	Vũ Thị Phương	3603045535	47A8037010	272272441	E1 tổ 9 KP 2	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
249	Trần Văn Bản	8060434493	47A8068766	183261019	K2 tổ 9 KP 2	20/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
250	Cao Thị Huỳnh Hương	3601015535	47A8049151	271416470	130A KP Long Diêm	09/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
251	Nguyễn Thị Trang	8165157695	47A8036858	270171344	68/10 KP Long Diêm	06/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
252	Lê Hoài	8246393732	47A8049039	271849159	1/C5, KP 1, LBT	01/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
253	Nguyễn Thị Như Ngọc	3603403572	47A8063521	341348125	1B/1, KP 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
12. Phường Hiệp Hòa									

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
254	Nguyễn Thúy Hà	3603412746	47A8051097	270940938	137/A Kp Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021- nay	3.000.000		
255	Nguyễn Thị Ngọc Giàu (Hộ kinh doanh Hùng Giàu)	3603543361	47A8058014	331339783	31A/1 KP Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021- nay	3.000.000		
256	Nguyễn Thanh Trúc (Hộ kinh doanh Khánh Mỹ)	3600521426	47A8064197	271384653	121/1 KP Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021- nay	3.000.000		
13. Phường Bửu Hòa									
257	Phan Thị Ngọc Lan	8127559717	47A8068246	241131950	K2/180B, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
258	Phạm Anh Hùng	8108608260	47A8069350	272389984	K2/48B, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
259	Võ Thị Phụng	3600529312	47A8008355	270067321	K2/117, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
260	Lâm Thị Quý	3600455685	47A8007545	270150640	K3/162, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
261	Lâm Hồng Mai	3603363432	47A8048766	271323279	K3/218C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
262	Lâm Văn Xin	3600368471	47A8033202	270150634	K3/218C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
263	Đặng Thị Thanh Thanh	3603025874	47A8042904	270750294	K2/32D, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
264	Phạm Văn Thiên	8100191793	47A8040068	212633086	K3/180C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
265	Đặng Thành Lộc	8075358911	47A8067855	271898722	K3/77C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		



STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
266	Trần Thị Thiên	3600346414	47A8013967	270099306	K3/276, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
267	Hồng Thị Phụng	3600335606	47A8052183	270056497	K3/249C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
268	Trần Huy Tiến	3603452795	47A8053035	168373879	870, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
269	Đỗ Văn Quân	3600335490	47A8003390	270970743	K3/263C, KP1	01/7/2021 - nay	3.000.000		
270	Lưu Quân Văn	8331257240	47A8051436	271364847	K1/89B, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
271	Nguyễn Hữu Hiếu	3600874742	47A8018197	271323287	K4/204A, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
272	Phan Trần Duy Phương	3601477360	47A8031715	271698497	K4/88A, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
273	Trịnh Ngọc Hương	3600787264	47A8012552	270666852	K4/93, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
274	Phạm Đức Ninh	3600851752	47A8017711	121663116	K4/6D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
275	Phan Anh Tuấn	3602111827	47A8025630	075060000645	K4/26D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
276	Võ Thị Nguyệt Châu	8246349941	47A8055155	0751633001162	K4/227D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
277	Lâm Sơn Minh	8117033072	47A8071594	271098554	K4/51D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
278	Đào Kim Nga	8246350626	47A8047880	075160001226	K4/160B, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
279	Lê Thị Diệu	3600760939	47A8032031	075174001184	K4/27D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
280	Vũ Xuân Diệp	3601433074	47A8028815	271913579	K4/254D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
281	Nguyễn Kim Nữ	3600346982	47A8002960	2706666781	K4/322D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
282	Nguyễn Bông Sen	3603164589	47A8034154	270750225	K4/249D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
283	Nguyễn Ngọc Phát	3603164758	47A8032855	270670609	K4/248D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
284	Nguyễn Thị Tuyết Xuân	3603164765	47A8032805	272259937	K4/247D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
285	Đổng Thị Hồng	3600344470	4707001781	270065266	K4/106B, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
286	Tô Thị Thiện Toàn	8043212500	47A8034263	272805806	K4/28D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
287	Trương Thị Bạc	3600347633	47A8002155	276135234	K4/111, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
288	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	8374966428	47A8067228	272615706	252, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
289	Trần Thị Đào	3600343283	47A8042898	075168001623	K4/135A, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
290	Nguyễn Hoàng Thái	3603466276	47A8053831	271981428	K1/97A, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
291	Lê Kim Oanh	3603379714	47A8049504	270157971	KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
292	Nguyễn Thị Thu Vân	3600760914	47A8018794	270125351	K4/158A, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
293	Trương Đình Sự	8283543707	47A8040661	272368425	KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
294	Lê Văn Đồng	8585123603	47A8066235	173432460	K1/66A, KP3	01/7/2021 - nay	3.000.000		
295	Lê Phương Thảo	3603613033	47A8061288	271920329	K1/88C, KP3	01/7/2021 - nay	3.000.000		
296	Phạm Ngọc Quang	3603694240	47A8063691	035084006195	K2/69, KP4	01/7/2021 - nay	3.000.000		
297	Nguyễn Thị Ngân	3603459310	47A8053497	272184964	K1/85B, KP4	01/7/2021 - nay	3.000.000		
298	Mai Văn Sang	3603555039	47A8058533	271339003	K1/85B, KP4	01/7/2021 - nay	3.000.000		
299	Nguyễn Thị Ánh Vân	8334105888	47A8045233	271989750	K3/71, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
300	Trần Thảo Nhi	8332967074	47A8037462	075191002975	K3/63A, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
301	Võ Quang Thuận	8477907583	47A8068927	271767471	K3/123, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
302	Trương Công Thắng	8665986041	47A8069348	271471065	K3/76, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
303	Nguyễn Văn Tương	3603292830	47A804234	164533702	K4/201, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
304	Nguyễn Văn Đức	8246357075	47A8047145	280779918	K3/66A, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên chủ Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCC D	Địa điểm kinh doanh	Thời gian ngưng kinh doanh	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ và tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
305	Dương Thị Hương	3603680248	47A8065091	173802009	K3/192, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
306	Phan Kim Tài	3600334225	47A8004922	270163890	K3/65A, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
307	Trần Thị Lành	3603757331	47A8069383	250894897	K4/148A, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
308	Chung Anh Tùng	3600347094	47A7002070	270046541	K4/175A, KP5	01/7/2021 - nay	3.000.000		
309	Huỳnh Kim Hoàng Tuấn	3600964957	47A8021388	270135271	K4/234D, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
310	Khru Thiện Minh	3603320950	47A8047848	312227371	K4/252, KP2	01/7/2021 - nay	3.000.000		
	Tổng cộng: 310 hộ kinh doanh						930.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 930.000.000 đồng
(Chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng